

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2024

V/v: Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Nghĩa và ông Nguyễn Hữu Nhất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST - HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **H Cúc Ê**, sinh năm 1999 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: **Buôn J, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

* **Bị đơn:** Anh **Y Nor N**, sinh năm 1998 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: **Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2024 và quá trình tham gia tố tụng Nguyên đơn chị H Cúc Ê ban trình bày:

Tôi và anh **Y Nor N** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/4/2018 tại **UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, nhưng do tính cách không hợp và không có tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí xúc phạm

đến nhau. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chúng tôi đã sống ly thân nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

Về con chung, vợ chồng tôi có 02 con chung là: Cháu H Thi Ê ban, sinh ngày 10/9/2017; Cháu H Lan Ê ban, sinh ngày 27/01/2020. Do 02 cháu còn nhỏ nên tôi đề nghị giao 02 con cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh **Y Nor N** được quyền đi lại thăm con chung, tôi không ngăn cản.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh **Y Nor N** mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh **Y Nor N** vắng mặt không có lý do.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H Cúc Ê**, để chị H Cúc Ê ban được ly hôn với anh **Y Nor N**.

+ Về con chung: Giao cháu **H Thi Ê1**, sinh ngày 10/9/2017 và cháu **HL** Ê ban, sinh ngày 27/01/2020 cho chị H Cúc Ê ban trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại **huyện C** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh **Y Nor N** nhưng anh **Y Nor N** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh **Y Nor N** là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị **H Cúc Ê** và anh **Y Nor N** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/4/2018 tại **UBND xã E, huyện C** theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của chị **H Cúc Ê** và xác minh tại địa phương đều cho thấy quá trình chung sống, chị **H Cúc Ê** và anh **Y Nor N** thường bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã, thậm chí là đánh đập nhau. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân, không sống chung với nhau nữa. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị H Cúc Êban xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh **Y Nor N** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H Cúc Êban và anh **Y Nor N** có 02 con chung là cháu **H Thi Ê1**, sinh ngày 10/9/2017 và cháu H Lan Ê ban, sinh ngày 27/01/2020. Qua lời khai của chị H Cúc Êban và Biên bản xác minh tại địa phương, cho thấy hiện nay 02 cháu đang sống cùng chị H Cúc Êban tại **Buôn J, xã E** và do chị **H Cúc Ê** trực tiếp nuôi ăn học. Còn anh **Y Nor N** bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không sống chung và chăm lo cho con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H Cúc Ê ban, giao cháu **H Thi Ê1** và cháu **H Lan Ê2** cho chị H Cúc Êban trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Cúc Êban không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bị đơn anh **Y Nor N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Cúc Êban .

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H Cúc Êban được ly hôn với anh **Y Nor N** .

[2]. Về con chung: Giao con chung là cháu **H Thi Ê1**, sinh ngày 10/9/2017 và cháu **H Lan Ê2**, sinh ngày 27/01/2020 cho chị H Cúc Êban trực tiếp nuôi dưỡng

cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Cúc Êban không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh **Y Nor N** được quyền đi lại thăm nom con chung, chị H Cúc Êban không được ngăn cản quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí: Chị H Cúc Êban phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007507 ngày 09/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- THADS huyện Cư M'gar;
- UBND xã Ea Kuêh;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Văn Toàn